

Bản tin ETF

Kết quả thay đổi danh mục chỉ số VNDiamond, VN30 và VNFIN Lead kỳ Q1/2026

1. Tổng quan và một số mốc thời gian đáng chú ý

- HOSE đã chính thức công bố kết quả rà soát danh mục các chỉ số cho kỳ Quý 1/2026.
- Ngày ước tính hoàn thành cơ cấu danh mục: ngày 30/1/2026.
- Ngày chỉ số mới có hiệu lực: ngày 2/2/2026.

2. Chỉ số VN30

Kết quả thay đổi danh mục sát với dự báo của chúng tôi:

- Thêm mới cổ phiếu VPL.
- Loại cổ phiếu BCM.

Các quỹ ETF sử dụng chỉ số VN30 làm tham chiếu

Hiện tại có bốn (4) ETF đang sử dụng chỉ số VN30 làm tham chiếu với tổng giá trị tài sản ròng (AUM) ở thời điểm viết bài đạt khoảng 10,4 nghìn tỷ đồng:

- DCVFMVN30 ETF: AUM: 6,6 nghìn tỷ đồng, giảm 0,7% kể từ đầu năm 2026; giá trị rút vốn ròng trong ba tháng gần đây ở mức -60 tỷ đồng.
- KIM Growth VN30 ETF: AUM: 2,7 nghìn tỷ đồng.
- MAFM VN30 ETF: AUM 921 tỷ đồng.
- SSIAM VN30 ETF: AUM 238 tỷ đồng.

3. Chỉ số VNFIN Lead

Kết quả thay đổi danh mục:

- Tương tự như dự báo trước đó, chỉ số VNFIN Lead không có thay đổi về danh mục trong kỳ này với 23 cổ phiếu.

Cập nhật về Quỹ SSIAM VNFIN Lead ETF

- Tại ngày 21/1/2026, tổng giá trị tài sản ròng (AUM) ở mức 567,8 tỷ đồng, tăng 4% kể từ đầu năm 2026; trong ba tháng gần đây ghi nhận 38 tỷ đồng giá trị vốn vào ròng.

4. Chỉ số VNDiamond

Kết quả thay đổi danh mục:

- Chỉ số không thay đổi danh mục thành phần trong kỳ này, mà chỉ cập nhật số liệu và tính toán lại tỷ trọng.

Các quỹ ETF sử dụng chỉ số VNDiamond làm tham chiếu

Hiện tại có sáu (6) ETF đang sử dụng chỉ số VNDiamond làm tham chiếu, với tổng giá trị tài sản ròng (AUM) ở thời điểm viết bài đạt khoảng **14,8 nghìn tỷ đồng**:

- **DCVFMVN Diamond ETF**: AUM: **14,2 nghìn tỷ đồng, tăng 4,4%** kể từ đầu năm 2026; giá trị vốn vào ròng trong ba tháng gần đây ở mức **188 tỷ đồng**.
- **MAFM VNDiamond ETF**: AUM: **311 tỷ đồng**.
- **KIM Growth VN Diamond ETF**: AUM: **80 tỷ đồng**.
- **ABFVN Diamond ETF**: AUM: **80 tỷ đồng**.
- **VFCVN Diamond ETF**: AUM: **68 tỷ đồng**.
- **BVFCVN Diamond ETF**: AUM: **61 tỷ đồng**.

5. Tái cơ cấu danh mục ETF

Dựa trên giá cổ phiếu ngày 21/1, chúng tôi ước tính giao dịch của các quỹ ETF liên quan đến VN30, VNDiamond, và VNFN Lead như sau:

Top cổ phiếu mua vào

- Xét theo khối lượng: **HDB (+8,2 triệu cổ phiếu), TCB (+2,8 triệu cổ phiếu), VPB (2,7 triệu cổ phiếu), và VPL (797.000 cổ phiếu)**.
- Xét theo số phiên giao dịch ước tính: **REE (1,3 phiên), GMD (1,1 phiên), PNJ (1 phiên), và VPL (0,65 phiên)**.

Top cổ phiếu bán ra

- Xét theo khối lượng: **KDH (-8,1 triệu cổ phiếu), FPT (-4 triệu cổ phiếu), VIC (-2,5 triệu cổ phiếu), và BCM (-416.000 cổ phiếu)**.
- Xét theo số phiên giao dịch ước tính: **KDH (1,5 phiên), FPT (0,5 phiên), và VIC (0,4 phiên)**.

Chi tiết số lượng cổ phiếu mua bán cho từng quỹ ETF như sau:

Bảng 1: Danh mục VN30 và giao dịch các quỹ ETF liên quan

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Số lượng CP mua/bán				TỔNG
			DCVFMVN30	SSIAM VN30	KIM Growth VN30	MAFM VN30	
			('000 cổ phiếu)	('000 cổ phiếu)	('000 cổ phiếu)	('000 cổ phiếu)	('000 cổ phiếu)
1	HDB	3,97%	1.828,5	48,9	799,5	148,0	2.824,8
2	SHB	1,93%	1.091,4	40,9	476,8	186,2	1.795,4
3	HPG	8,52%	870,7	39,5	314,4	145,8	1.370,4
4	VPB	4,72%	829,2	37,4	337,5	100,1	1.304,2
5	VIB	1,34%	677,1	32,5	305,7	125,7	1.141,1
6	ACB	3,70%	662,4	32,6	366,6	74,1	1.135,7
7	TCB	4,76%	677,1	31,1	313,0	92,1	1.113,3
8	MBB	3,71%	629,9	32,5	246,4	105,1	1.013,9
9	LPB	4,16%	454,7	18,7	303,6	55,0	831,9
10	VPL	0,70%	503,7	18,2	205,0	70,4	797,4
11	SSI	1,89%	509,0	13,2	63,4	24,7	610,3
12	MWG	7,09%	267,3	13,6	124,5	30,9	436,2
13	STB	3,79%	257,4	16,6	109,1	43,4	426,4
14	VNM	4,43%	204,2	12,1	159,3	29,9	405,6
15	VRE	2,14%	211,0	16,0	120,2	41,3	388,4
16	CTG	1,60%	290,1	11,7	(81,9)	45,2	265,1
17	MSN	5,22%	183,6	8,4	34,5	14,2	240,7
18	VCB	2,28%	92,1	10,2	78,0	35,6	215,9
19	BID	0,51%	96,4	4,4	64,5	18,7	184,0
20	PLX	0,57%	95,6	4,3	66,1	10,3	176,2
21	DGC	1,18%	52,2	4,0	79,5	11,3	146,9
22	TPB	0,89%	210,2	13,1	(132,5)	50,8	141,6
23	GAS	1,00%	59,8	3,2	53,6	8,4	125,0
24	SAB	0,54%	(15,8)	7,0	94,2	(11,3)	74,1
25	VJC	3,65%	67,6	11,0	(35,8)	2,4	45,1
26	GVR	0,46%	75,5	10,2	(59,8)	(8,6)	17,3
27	SSB	0,84%	(22,4)	4,7	(39,9)	23,3	(34,4)
28	BCM	0,00%	(181,2)	(9,1)	(189,6)	(36,2)	(416,1)
29	VHM	4,31%	(381,7)	(8,6)	(205,5)	(44,4)	(640,1)
30	FPT	10,11%	(469,8)	(10,0)	(91,7)	(69,2)	(640,7)
31	VIC	9,99%	(1.635,1)	(54,1)	(622,0)	(229,8)	(2.541,1)

Nguồn: SSI Research

Bảng 2: Danh mục VNDiamond và giao dịch các quỹ ETF liên quan

STT	Mã	Tỷ trọng mới	Số lượng CP mua/bán						TỔNG
			DCVFMVN DIAMOND	MAFM VNDIAMOND	KIM GROWTH VN DIAMOND	BVFN DIAMOND	ABFN DIAMOND	VFCVN DIAMOND	
			('000 cổ phiếu)	('000 cổ phiếu)	('000 cổ phiếu)	('000 cổ phiếu)	('000 cổ phiếu)	('000 cổ phiếu)	('000 cổ phiếu)
1	HDB	5,47%	5.051,6	49,8	42,6	20,6	13,3	20,6	5.198,4
2	MSB	1,83%	2.294,6	57,8	9,1	8,8	12,9	9,3	2.392,5
3	TCB	8,74%	1.625,6	38,2	6,3	5,5	6,0	2,3	1.683,9
4	GMD	6,97%	1.601,8	29,4	8,9	8,2	7,2	5,0	1.660,6
5	ACB	6,80%	1.521,7	37,1	2,8	5,7	9,8	5,3	1.582,5
6	MBB	6,81%	1.375,6	24,4	7,5	5,2	6,0	7,8	1.426,4
7	VPB	6,50%	1.206,0	31,8	6,3	4,6	9,2	5,3	1.263,2
8	PNJ	11,58%	1.112,4	13,6	3,4	5,3	6,0	9,5	1.150,2
9	NLG	2,98%	1.033,3	18,5	20,6	4,4	1,5	5,8	1.084,1
10	REE	4,04%	710,1	17,1	3,5	2,9	-0,1	4,7	738,2
11	CTG	2,20%	671,5	0,0	6,0	1,0	-2,0	-2,3	674,2
12	TPB	1,23%	601,2	6,0	3,4	0,3	5,2	-18,7	597,3
13	CTD	1,49%	363,2	8,0	-0,1	0,9	3,0	2,4	377,3
14	OCB	0,45%	338,6	12,6	3,3	0,7	3,9	-2,9	356,2
15	BMP	1,52%	-72,4	10,1	2,2	0,5	1,0	0,8	-57,8
16	MWG	14,69%	-89,4	-0,5	-2,8	1,5	0,5	-1,5	-92,2
17	FPT	14,92%	-3.272,3	-76,5	-21,3	-12,5	-16,8	-16,2	-3.415,6
18	KDH	1,80%	-7.772,7	-173,7	-63,4	-32,8	-41,2	-36,1	-8.119,8

Nguồn: SSI Research

Bảng 3: Danh mục VNFINLead và giao dịch quỹ SSIAM VNFIN Lead ETF

STT	Mã CP	Tỷ trọng mới	Tỷ trọng cũ	Số lượng CP mua/bán
				('000 cổ phiếu)
1	SHB	8,95%	7,45%	518,5
2	VIX	4,88%	4,08%	187,3
3	HDB	8,45%	7,68%	150,5
4	VPB	15,03%	14,41%	122,7
5	TCB	14,24%	14,00%	38,5
6	SSI	7,94%	7,82%	21,0
7	VCI	1,15%	1,08%	11,3
8	MBB	10,51%	10,46%	10,9
9	HCM	0,68%	0,69%	-1,3
10	VND	1,44%	1,46%	-5,0
11	NAB	0,12%	0,14%	-6,8
12	BID	0,38%	0,46%	-8,8
13	OCB	0,08%	0,10%	-9,3
14	CTG	2,59%	2,67%	-11,5
15	SSB	0,25%	0,32%	-20,6
16	VCB	2,90%	3,24%	-26,3
17	MSB	0,83%	0,94%	-49,0
18	VIB	1,17%	1,36%	-60,4
19	LPB	2,07%	2,60%	-70,7
20	TPB	1,13%	1,39%	-83,8
21	EIB	1,64%	2,06%	-109,6
22	STB	8,62%	10,01%	-127,1
23	ACB	4,93%	5,59%	-149,9

Nguồn: SSI Research

Bảng 4: Tổng hợp thay đổi về số lượng cổ phiếu mua bán của các quỹ liên quan đến VN30, VNDiamond và quỹ SSIAM VNFIN Lead ETF, dữ liệu đến ngày 21/1/2026

Cần lưu ý rằng các chỉ số HOSE Index sẽ có hiệu lực vào ngày 2/2/2026.

STT	Mã CP	Số lượng CP mua/bán			TỔNG	KLGD TB 1 tháng	Số phiên GD tương đương
		Các quỹ ETF mô phỏng VNDiamond (‘000 cổ phiếu)	Các quỹ ETF mô phỏng VN30 (‘000 cổ phiếu)	SSIAM VNFIN Lead ETF (‘000 cổ phiếu)			
1	HDB	5.198,4	2.824,8	150,5	8.173,7	24.018,5	0,34
2	TCB	1.683,9	1.113,3	38,5	2.835,6	15.426,1	0,18
3	VPB	1.263,2	1.304,2	122,7	2.690,0	28.503,3	0,09
4	ACB	1.582,5	1.135,7	-149,9	2.568,4	13.180,3	0,19
5	MBB	1.426,4	1.013,9	10,9	2.451,3	33.605,5	0,07
6	MSB	2.392,5	0,0	-49,0	2.343,5	7.633,4	0,31
7	SHB	0,0	1.795,4	518,5	2.313,9	75.943,4	0,03
8	GMD	1.660,6	0,0	0,0	1.660,6	1.477,7	1,12
9	HPG	0,0	1.370,4	0,0	1.370,4	43.914,5	0,03
10	PNJ	1.150,2	0,0	0,0	1.150,2	1.144,6	1,00
11	NLG	1.084,1	0,0	0,0	1.084,1	2.835,5	0,38
12	VIB	0,0	1.141,1	-60,4	1.080,7	8.246,0	0,13
13	CTG	674,2	265,1	-11,5	927,8	19.092,8	0,05
14	VPL	0,0	797,4	0,0	797,4	1.223,2	0,65
15	LPB	0,0	831,9	-70,7	761,2	2.726,5	0,28
16	REE	738,2	0,0	0,0	738,2	594,5	1,24
17	TPB	597,3	141,6	-83,8	655,2	13.485,3	0,05
18	SSI	0,0	610,3	21,0	631,3	31.410,6	0,02
19	VNM	0,0	405,6	0,0	405,6	7.258,5	0,06
20	VRE	0,0	388,4	0,0	388,4	13.387,0	0,03
21	CTD	377,3	0,0	0,0	377,3	661,8	0,57
22	OCB	356,2	0,0	-9,3	346,9	2.582,1	0,13
23	MWG	-92,2	436,2	0,0	344,0	7.210,5	0,05
24	STB	0,0	426,4	-127,1	299,3	19.068,8	0,02
25	MSN	0,0	240,7	0,0	240,7	6.683,7	0,04
26	VCB	0,0	215,9	-26,3	189,6	12.003,8	0,02
27	VIX	0,0	0,0	187,3	187,3	51.358,2	0,00
28	PLX	0,0	176,2	0,0	176,2	8.339,9	0,02
29	BID	0,0	184,0	-8,8	175,2	10.437,5	0,02
30	DGC	0,0	146,9	0,0	146,9	6.461,6	0,02
31	GAS	0,0	125,0	0,0	125,0	3.882,8	0,03
32	SAB	0,0	74,1	0,0	74,1	2.150,2	0,03
33	VJC	0,0	45,1	0,0	45,1	1.821,7	0,02
34	GVR	0,0	17,3	0,0	17,3	6.388,3	0,00
35	VCI	0,0	0,0	11,3	11,3	10.380,0	0,00
36	HCM	0,0	0,0	-1,3	-1,3	19.668,6	0,00
37	VND	0,0	0,0	-5,0	-5,0	18.871,1	0,00
38	NAB	0,0	0,0	-6,8	-6,8	1.439,5	0,00
39	SSB	0,0	-34,4	-20,6	-54,9	2.325,2	0,02
40	BMP	-57,8	0,0	0,0	-57,8	170,6	0,34
41	EIB	0,0	0,0	-109,6	-109,6	9.542,5	0,01
42	BCM	0,0	-416,1	0,0	-416,1	1.257,1	0,33
43	VHM	0,0	-640,1	0,0	-640,1	9.547,7	0,07
44	VIC	0,0	-2.541,1	0,0	-2.541,1	6.783,8	0,37
45	FPT	-3.415,6	-640,7	0,0	-4.056,2	8.910,1	0,46
46	KDH	-8.119,8	0,0	0,0	-8.119,8	5.445,3	1,49

Nguồn: SSI Research

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711